

Số: 597/2020/QĐST-HNGĐ

*Đức Hòa, ngày 25 tháng 9 năm 2020*

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 930/2020/TLST-HNGĐ ngày 7 tháng 9 năm 2020 giữa:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm: 1987.

Địa chỉ: Số 11/5A Ấp 1, xã T, huyện H, thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Anh Nguyễn Phúc H, sinh năm: 1988.

Địa chỉ: Ấp T, xã B, huyện Đ, tỉnh Long An.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 85, Điều 86 và Điều 119 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 17 tháng 9 năm 2020.

**XÉT THẤY:**

Sự tự nguyện ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành ngày 17 tháng 9 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:**

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm: 1987.

Địa chỉ: Số 11/5A Ấp 1, xã T, huyện H, thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Anh Nguyễn Phúc H, sinh năm: 1988.

Địa chỉ: Ấp T, xã B, huyện Đ, tỉnh Long An.

**2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

- Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Phúc H tự nguyện thỏa thuận thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Chị Nguyễn Thị T được quyền tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung tên Nguyễn Hoàng Đăng K, sinh ngày: 01/10/2008 và Nguyễn Ngọc Gia H, sinh ngày: 23/3/2018. Anh Nguyễn Phúc H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi con mỗi tháng 2.500.000đồng, thời gian thực hiện từ tháng 10/2020 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ đến thăm nom con chung mà không ai được quyền ngăn cản. Trường hợp bên không trực tiếp nuôi con lợi dụng quyền thăm nom để gây cản trở hoặc ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung thì bên trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con theo quy định của pháp luật. Bên trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở bên không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

Khi cần thiết trên cơ sở lợi ích của con chung thì bên trực tiếp nuôi con, bên không trực tiếp nuôi con, cơ quan, tổ chức và cá nhân có thẩm quyền có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị T và anh H trình bày tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị T tự nguyện chịu 150.000đồng án phí thuận tình ly hôn và 150.000đồng án phí cấp dưỡng nuôi con sung vào Ngân sách Nhà nước nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0006190 ngày 7/9/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Hòa. Chị T không phải nộp thêm.

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**4.** Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Dương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa;
- Tòa án nhân dân tỉnh Long An;
- UBND xã B;
- Chi cục THADS huyện Đức Hòa;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

**Nguyễn Hải An**

**Hướng dẫn sử dụng mẫu số 38-DS:**

(1) Ghi tên Tòa án nH dân ra quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự; nếu là Tòa án nH dân cấp huyện, thì cần ghi rõ Tòa án nH dân huyện nào thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nH dân huyện X, tỉnh H), nếu là Tòa án nH dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thì ghi rõ Tòa án nH dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Tòa án nH dân thành phố Hà Nội).

(2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm ra quyết định (ví dụ: Số: 02/2017/QĐST-KDTM).

(3) Ghi số ký hiệu và ngày, tháng, năm thụ lý vụ án (ví dụ: Số 50/2017/TLST-KDTM).

(4) Ghi họ tên, tư cách đương sự trong vụ án, địa chỉ nơi cư trú và nơi làm việc của các đương sự theo thứ tự như hướng dẫn cách ghi trong mẫu bản án sơ thẩm.

(5) Ghi đầy đủ lần lượt các thoả thuận của các đương sự về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án đã được thể hiện trong biên bản hoà giải thành (kể cả án phí).